

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HS-ST
Ngày 21-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Thoi.

Ông Nguyễn Ngọc Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 32/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn B** - sinh năm 1993. Giới tính: Nam. Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Trần Văn T1 - sinh năm 1967 và bà Đinh Thị S - sinh năm 1969. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án:

Ngày 25/3/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xử phạt 28 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/02/2017.

Ngày 27/9/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/01/2019 đến nay. Hiện bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Anh Tổng Ngọc T – sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Chị Tổng Thị M – sinh năm 1989 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường C, Quận B, thành phố Hà Nội.

2. Anh Nguyễn Văn Đông – sinh năm 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- **Người làm chứng:**

1. Chị Hoàng Thị H – sinh năm 1988 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Nguyễn Văn Th – sinh năm 1985 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 01 năm 2019, Trần Văn B, sinh năm 1993 ở Thôn P, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh gọi điện hẹn gặp một đối tượng tên L, sinh năm 1996 (B khai quen biết trước đó nhưng không biết địa chỉ ở đâu) để nhờ L xin việc làm thì L nói với B sẽ thông tin lại sau. Khoảng 00 giờ ngày 21/01/2019, L gọi điện hẹn gặp B ở dốc P, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh nên B đi tắc xi đến nơi hẹn gặp L, sau đó cả hai đi tắc xi đến một nhà nghỉ ở chân cầu Đ thuê phòng nghỉ. Tại đây, L gọi một nam thanh niên (B không quen biết, không biết tên, tuổi, địa chỉ, chỉ biết người Bắc Giang) đem đồ ăn đến cho L và B, sau đó người thanh niên đó rời đi. Sau khi ăn xong, L và B ngủ đến 17 giờ ngày 22 tháng 01 năm 2019 thì thanh niên hôm trước tiếp tục mang đồ ăn đến. Sau khi ăn xong, cả ba xuống trả phòng rồi cùng nhau đi trên một xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu xanh, không biển kiểm soát do người thanh niên đi tới. Trên đường đi, L và người thanh niên bàn nhau trộm cắp xe máy ở nhà trọ, lúc này B biết là đi trộm cắp xe máy nhưng vẫn đi cùng để tham gia. Khoảng 18 giờ cùng ngày B, L và đối tượng nam thanh niên đi đến khu nhà trọ của gia đình anh Nguyễn Văn Đ - sinh năm 1990 ở thôn N, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang thì phát hiện thấy cổng mở nên đã đi xe vào trong rồi bảo L và B vào một phòng trọ cửa không khóa đợi. Khoảng 05 phút sau, đối tượng nam thanh niên kia mở cửa gọi L ra lấy xe thì L nói với B ra lấy xe nên B đi ra ngoài thì được đối tượng nam thanh niên chỉ lấy chiếc xe máy biển kiểm soát 29L5- 121.34 của anh Tổng Ngọc T - sinh năm 1992 ở thôn S, xã T, huyện V,

tỉnh Bắc Giang đang dựng trước cửa phòng. B đi ra chỗ chiếc xe thấy khóa điện đã mở nên ngồi lên xe nổ máy điều khiển đi được khoảng 20 mét thì bị quần chúng nhân dân phát hiện hô hoán cùng lực lượng Công an huyện Việt Yên bắt quả tang và thu giữ vật chứng, gồm: 01 (một) xe Wave An pha màu đen, biển kiểm soát 29L5-121.34; 01 (một) cờ lê bằng kim loại; 01 (một) điện thoại di động Nokia 1280 có số IMEI 355862016400446.

Ngày 25/01/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên đã định giá và kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29L5-121.34, trị giá 13.650.000đồng (*Mười ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKSVY ngày 18/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên đã truy tố bị cáo ra trước Tòa án nhân dân huyện Việt Yên để xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi Trộm cắp tài sản của mình như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình là sai, ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn B từ 24 (hai mươi bốn) tháng tù đến 30 (ba mươi) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 22/01/2019.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cờ lê bằng kim loại và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 có số IMEI: 355862016400446.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo hiện không có nghề nghiệp ổn định, cần miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã gây ra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 18 giờ ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại khu nhà trọ của gia đình anh Nguyễn Văn Đ – sinh năm 1990 ở thôn N, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang, Trần Văn B có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô biển kiểm soát 29L5-121.34, trị giá 13.650.000đồng của anh Tống Ngọc T – sinh năm 1992 ở thôn S, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

[3] Như vậy hành vi của Trần Văn B đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do vậy, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương nơi bị cáo gây án và sự bất bình trong nhân dân. Bản thân bị cáo đã hai lần bị Tòa án xử phạt về tội “*Trộm cắp tài sản*”, song bị cáo không sửa đổi mà vẫn tiếp tục phạm tội. Chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật, không có ý thức sửa đổi bản thân để trở thành công dân tốt. Do vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 25/3/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xử phạt 28 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và

ngày 27/9/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, vì hai tiền án của bị cáo đã xác định là tình tiết định khung hình phạt.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Xét tính chất vụ án, mức độ và hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới đủ điều kiện để cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang nên cần tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo công tác thi hành án.

[9] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định cần miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 cờ lê bằng kim loại và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280, bị cáo khai không sử dụng vào việc phạm tội, bị cáo không xin được nhận lại, tài sản cũ, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 01/3/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe cho anh Tống Ngọc T. Anh T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường dân sự. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Trong vụ án này, Trần Văn B khai còn có đối tượng tên L và một đối tượng nam thanh niên không biết tên, địa chỉ có hành vi trộm cắp cùng. Tuy nhiên, cả hai đối tượng này B đều quen biết ngoài xã hội, không biết rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xử lý là có căn cứ.

[13] Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt, Hội đồng xét xử thấy trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai thể hiện quan điểm của họ và sự vắng mặt của họ không gây ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[14] Về án phí và quyền kháng cáo: Buộc bị cáo Trần Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn B 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.
Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 22/01/2019.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: -
Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cờ lê bằng kim loại và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 có số IMEI: 355862016400446.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí, buộc bị cáo Trần Văn B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- T.H.A.;
- Trại tạm giam – CA tỉnh Bắc Giang;
- Công an huyện Việt Yên;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS.VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Hải Vinh